

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1961 /BCT-TKNL

V/v xây dựng kế hoạch năm 2023 thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2022

Kính gửi:

- Các Đơn vị trực thuộc Bộ;
- Các Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững.

Thực hiện Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030 (Chương trình), Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững được Lãnh đạo Bộ giao chỉ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Chương trình. Để triển khai kế hoạch năm 2023, Vụ TKNL đề nghị các Đơn vị trực thuộc Bộ, các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo các Phụ lục kèm theo.

Để các nhiệm vụ đạt được hiệu quả cao và đảm bảo theo mục tiêu của Chương trình đề ra, Vụ TKNL đề nghị các đơn vị đăng ký các nhiệm vụ năm 2023 theo định hướng sau:

- Hoạt động truyền thông nâng cao ý thức cộng đồng, doanh nghiệp, các khu, cụm công nghiệp, làng nghề về sản xuất và tiêu dùng bền vững;
- Xây dựng các mô hình sản xuất bền vững;
- Khảo sát, xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu trong các ngành công nghiệp, trong đó chú trọng đến một số ngành trọng yếu như: dệt may, thép, nhựa, hóa chất, xi măng, rượu bia nước giải khát, giấy, chế biến thủy hải sản và một số ngành sản xuất khác;
- Xây dựng, phổ biến và nhân rộng các mô hình về sản xuất sạch hơn, mô hình về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong công nghiệp;
- Xây dựng, triển khai hướng dẫn kỹ thuật đối với các ngành công nghiệp nhằm khai thác hiệu quả tài nguyên trong các ngành công nghiệp;

- Xây dựng, ứng dụng và phổ biến các mô hình thu hồi, tái sử dụng và tái chế chất thải, các mô hình quản lý tổng hợp khai thác, chế biến và chế tạo, sản xuất và sử dụng bền vững nhiên liệu, nguyên vật liệu cho các ngành công nghiệp;

- Xây dựng và phát triển hệ thống dịch vụ phân phối xanh, bền vững;
- Xây dựng và thúc đẩy các chuỗi sản xuất, tiêu dùng bền vững;
- Xanh hóa nền sản xuất và tiêu dùng;
- Triển khai, thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn.

Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ năm 2023 của đơn vị gửi về Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, Bộ Công Thương, số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội trước ngày 29 tháng 4 năm 2022. Để thuận tiện trong quá trình tổng hợp, đề nghị đơn vị gửi bản mềm kế hoạch theo hòm thư điện tử: quangch@moit.gov.vn.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Bà Bùi Thị Hiền, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, số điện thoại: 024. 22203356./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TKNL(BH).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TIẾT KIỆM NĂNG
LƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Trịnh Quốc Vũ

THUYẾT MINH

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ SẢN XUẤT VÀ TIÊU DÙNG BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2030

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

1. Tên nhiệm vụ

2. Thời gian thực hiện: Năm 2023

Từ ----- đến -----

3. Đơn vị chủ trì thực hiện:

Tên đơn vị : -----

Địa chỉ : -----

Điện thoại : -----

Email : -----

Tài khoản : -----

Mã QHNS : -----

Đại diện Ông/bà : -----

Chức vụ : -----

4. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện dự án: ----- đồng

(Bằng chữ: -----

-----)

Trong đó:

Ngân sách Trung ương :----- Triệu đồng

Ngân sách địa phương :----- Triệu đồng

Nguồn khác :----- Triệu đồng

II. PHẦN THUYẾT MINH CHI TIẾT

1. Sự cần thiết, căn cứ xây dựng nhiệm vụ:

a) Căn cứ xây dựng nhiệm vụ

- Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030;

b) Sự cần thiết

2. Mục tiêu của nhiệm vụ:

2.1. Mục tiêu chung

2.2. Mục tiêu cụ thể

3. Nội dung của nhiệm vụ:

4. Sản phẩm, kết quả của nhiệm vụ

5. Phương án triển khai nhiệm vụ

5.1. Phương án tổng thể triển khai nhiệm vụ

5.2. Phương án chi tiết triển khai nhiệm vụ

Bảng 1. Hạng mục công việc, mục tiêu, thời gian và kinh phí

TT	Nội dung công việc	Mục tiêu, kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện (Bắt đầu – Kết thúc)	Dự kiến kinh phí	Tổ chức, cá nhân thực hiện
1.					
2.					
3.					
4.					
5.					

6. Các cá nhân tham gia thực hiện dự án

Bảng 2. Tên, trình độ chuyên môn, đơn vị công tác của cá nhân thực hiện

TT	Họ và tên	Học vị, học hàm chuyên môn	Cơ quan, đơn vị công tác	Ghi chú
1.				
2.				
3.				
4.				
5.				

7. Yêu cầu đối với sản phẩm, kết quả của nhiệm vụ

Bảng 3. Yêu cầu đối với kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ

TT	Kết quả, sản phẩm và các tiêu chí đánh giá chủ yếu	Đơn vị tính	Mức độ cần đạt	Ghi chú

8. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ

Bảng 4. Dự toán và phân chia kinh phí thực hiện nhiệm vụ*Đơn vị: nghìn đồng*

TT	Nguồn kinh phí	Tổng số kinh phí	Trong đó:				
			Thuê khoán chuyên môn	Hội nghị, hội thảo	Nguyên vật liệu, năng lượng	Máy móc, thiết bị	Chi quản lý dự án và chi khác
	Tổng cộng						
	<i>Trong đó:</i>						
	<i>Ngân sách Trung ương</i>						
	<i>Ngân sách địa phương</i>						
	<i>Nguồn khác</i>						

*Ngày tháng năm 2020***TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ***(Ký tên, đóng dấu)*

DỰ TOÁN CHI TIẾT THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Bảng 1. Dự toán và phân chia kinh phí thực hiện nhiệm vụ

Đơn vị: nghìn đồng

TT	Nguồn kinh phí	Tổng số kinh phí	Trong đó:				
			Thuê khoán chuyên môn	Hội nghị, hội thảo	Nguyên vật liệu, năng lượng	Máy móc, thiết bị	Chi quản lý dự án và chi khác
	Tổng cộng						
	<i>Trong đó:</i>						
	<i>Ngân sách Trung ương</i>						
	<i>Ngân sách địa phương</i>						
	<i>Nguồn khác</i>						

Bảng 2. Chi tiết khoản chi phí thuê khoán chuyên môn

Đơn vị: nghìn đồng

TT	Nội dung công việc	Họ và Tên thành viên thực hiện	Chức danh thực hiện	Hệ số tiền công theo ngày	Số ngày công quy đổi	Nguồn vốn		
						TU	ĐP	Khác
1.								
2.								
3.								
4.								
5.								
Tổng cộng								

Bảng 3. Chi tiết khoản chi hội nghị, hội thảo*Đơn vị: nghìn đồng*

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
						TƯ	ĐP	Khác
Tổng cộng								

Bảng 4. Chi tiết khoản nguyên vật liệu, năng lượng*Đơn vị: nghìn đồng*

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
						TƯ	ĐP	Khác
Tổng cộng								

Bảng 5. Chi tiết khoản máy móc, thiết bị*Đơn vị: nghìn đồng*

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
						TƯ	ĐP	Khác

Tổng cộng								

Bảng 6. Chi tiết khoản khác

Đơn vị: nghìn đồng

T	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
						TƯ	ĐP	Khác
1.								
2.								
3.								
4.								
5.								
Tổng cộng								